

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/KDTM-ST

Ngày: 26 - 01-2022

V/v“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Ông Phạm Ngọc Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 11 /2021/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2021.

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Nam Th

(Theo văn bản ủy quyền số 171/QĐ-BIDV.PT ngày 05/01/2022). (CM)

2. *Bị đơn:* Anh Phan L , sinh năm: 1982

Chị Nguyễn Thị Th , sinh năm: 1981

Đều cư trú: Lâm Trúc 2, P. Hoài Thanh, thị xã H, tỉnh Bình Định

- Anh Phan L được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt; Chị Nguyễn Thị Th vắng mặt có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 07 năm 2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trình bày:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho anh **Phan L** và chị **Nguyễn Thị Th** vay vốn theo hợp đồng tín dụng (giao dịch tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài) như sau: Theo Hợp đồng tín dụng số **01/2015/8028942/HĐTD** ngày **12/11/2015**, thời hạn cho vay **180 tháng**, lãi suất cho vay ban đầu **7,0%/năm**, **tổng số tiền cho vay là 16.181.500.000đ**, **cụ thể** các lần rút vốn cụ thể:

Ngày 24/11/2015 giải ngân 2.475.000.000đ; ngày 30/12/2015 giải ngân 1.776.500.000đ; ngày 30/12/2015 giải ngân 4.330.000.000đ; ngày 07/4/2016 giải ngân 5.227.000.000đ; ngày 11/11/2016 giải ngân 2.373.000.000đ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là 01 tàu vỏ thép, ngư lưới cụ và trang thiết bị đánh bắt dùng để khai thác thủy sản của anh **Phan L**, chị **Nguyễn Thị Th** đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8028942/HĐBĐ ngày 11/11/2016, cụ thể như sau:

+ 01 tàu vỏ thép: Tàu đánh bắt thủy hải sản xa bờ vỏ thép và máy móc thiết bị kèm theo, cụ thể: Công dụng: Khai thác thủy sản. Năm đóng: 2015. Nơi đóng: Cty TNHH MTV Nam Triệu. Mẫu thiết kế: TK-30-15/V-01-02. Cơ quan thiết kế: Cty TNHH Thiết kế Tàu Thủy. Chiều dài: Lmax, m: 27,06m; Ltk, m: 23,24m. Chiều rộng: Bmax, m: 7,10m; Btk, m: 6,89m. Chiều cao mạn: 3,20m. Chiều chìm: 2,20m. Mạn khô: 1,00m. Vỏ: thép. Tổng dung tích: 126,00. Tốc độ tự do: 10 hải lý/h. Sức chở tối đa: 109,80 tấn. Máy chính: MITSUBISHI, số máy 68037, công suất 823 CV, nơi chế tạo: Nhật Bản. Số đăng ký: BD-99119-TS; có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 889/2016 do Chi cục Thủy sản Bình Định cấp ngày 29/09/2016; Sổ đăng kiểm tàu cá, số đăng ký: BD-99119-TS, số sổ 05/NT/16/ĐKTC do Trung tâm đăng kiểm tàu cá cấp ngày 19/08/2016. Tàu vỏ thép được mô tả trên bao gồm cả các thiết bị hàng hải trên tàu: Máy định vị, máy dò cá, ra da, icom, máy phát điện....gọi chung là thiết bị hàng hải và các tài sản khác hình thành nên giá trị con tàu.

+ Ngư lưới cụ và trang thiết bị đánh bắt dùng để khai thác thủy sản: 3.120kg lưới rê hỗn hợp PE quy cách 200D/72 L3 (sợi 017) x 130mm x 10MD x 615ml - gút đôi + 1 biên đôi; 1.440 kg lưới rê hỗn hợp PE quy cách 200D/72 L3 (sợi 017)x 150mm x 5md x 571ml - gút đôi + 1 biên đôi; 18.000 kg lưới rê hỗn hợp PE quy cách 200D/39 L3 (sợi 017)x 130mm x 615MD x 210ml - gút đôi +1 biên đôi; 12.000 kg lưới rê hỗn hợp PE quy cách 200D/39 L3 (sợi 017) x 150mm x 571MD X 135ml - gút đôi +1 biên đôi; 3.400kg dây giềng phao PP quy cách 12mm trái + phải; 800kg dây giềng chì PP quy cách 6mm trái; 8.000 kg dây giềng chì PP + chì chuỗi quy cách 12mm trái; 840 kg dây ganh PP quy cách 6mm trái; 1.200 kg phao xốp trắng quy cách 22 x 22 x 25 (CM); 3.000 cái Khay đựng cá; 02 chiếc Bảng điều khiển đánh bắt; 02 bộ Dù chống bão; 50 bộ Hệ thống chiếu sáng.

Tính đến ngày **31/05/2021**: Tổng dư nợ của vợ chồng anh **Phan L** và chị **Nguyễn Thị Th** là 20.319.067.931đ, trong đó: dư nợ gốc là 15.581.500.000đ, dư nợ lãi tạm tính là 4.837.567.931đ. Do vợ chồng anh **Phan L** và chị **Nguyễn Thị Th** đã vi phạm

nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Căn cứ vào quy định của pháp luật và Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Quy Nhơn giải quyết:

Buộc vợ chồng anh **Phan L** và chị **Nguyễn Thị Th** phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 15.581.500.000đ, toàn bộ nợ lãi và lãi phạt phát sinh theo quy định cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp vợ chồng anh **Phan L** và chị **Nguyễn Thị Th** không thực hiện trả toàn bộ nợ vay nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản nợ theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/8028942/HĐBĐ ngày 11/11/2016 để thu hồi toàn bộ số nợ vay theo quy định của pháp luật.

Bị đơn trình bày:

- Anh **Phan L** : Tòa đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết theo qui định pháp luật tố tụng Dân sự nhưng anh L không chấp hành triệu tập của Tòa vắng mặt không lý do.

- Chị **Nguyễn Thị Th** : Chị thống nhất với trình bày của đại diện hợp pháp của ngân hàng về Hợp đồng tín dụng số **01/2015/8028942/HĐTD ngày 12/11/2015**, Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8028942/HĐBĐ ngày 11/11/2016. Hiện nay, vợ chồng chị còn nợ lại Ngân hàng tính đến 31/5/2021 số tiền 20.319.067.931đ, trong đó: dư nợ gốc là 15.581.500.000đ, dư nợ lãi tạm tính là 4.837.567.931đ là đúng. Do điều kiện làm ăn khó khăn nên vợ chồng chị xin trả dần số nợ trên trong thời gian 6 tháng. Tài sản thế chấp theo nội dung Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8028942/HĐBĐ ngày 11/11/2016 còn đủ theo danh mục và tàu đang hoạt động bình thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh **Phan L** , chị **Nguyễn Thị Th** phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 26/01/2022 là 21.207.833.472đ, trong đó dư nợ gốc là 15.481.500.000đ - Ngân hàng có điều chỉnh giảm dư nợ gốc do nhân viên nhân Ngân hàng cập nhật chưa chính xác và dư nợ lãi tạm tính đến ngày 26/01/2022 là 5.626.333.472đ và tiền lãi và lãi phạt phát sinh đến khi thanh toán hết nợ; trong trường hợp anh L , chị Th không trả được nợ thì yêu cầu Tòa buộc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/8028942/HĐBĐ ngày 11/11/2016 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Buộc anh Phan L và chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền còn nợ tổng cộng là 21.107.833.472đ, trong đó dư nợ gốc là 15.481.500.000 đ và lãi đến ngày 26/01/2022 là 5.626.333.472 đ

Anh Phan L , chị Nguyễn Thị Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 12/11/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trong trường hợp anh Phan L , chị Nguyễn Thị Th không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8028942/HĐBĐ ngày 11/11/2016 mà Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài đã ký với anh Phan L , chị Nguyễn Thị Th để thu hồi toàn bộ số nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn: Anh Phan L - bị đơn, trong vụ án đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phan L.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Th.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) cho vợ chồng anh **Phan L** và chị **Nguyễn Thị Th** vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số **01/2015/8028942/HĐTD ngày 12/11/2015 và các bên có xác lập** hợp đồng thế chấp số **01/2016/8028942/HĐBĐ ngày 11/11/2016** để bảo đảm khoản nợ vay. Quá trình giao kết các hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội ,tuân thủ đúng qui định pháp luật về hình thức và nội dung theo đúng qui định tại các điều 117,179 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng.

Ngân hàng đã giải ngân anh Phan L , chị Nguyễn Thị Th nhận đủ số tiền vay tổng cộng **16.181.500.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh L và chị Th đã thực hiện không đúng theo thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi vay theo Hợp đồng nên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Xét yêu cầu của ngân hàng đòi bị đơn phải thanh**

toán tính đến ngày 26/12/2022 tổng cộng: là 21.107.833.472đ, trong đó dư nợ gốc là 15.481.500.000đ và dư nợ lãi tạm tính đến ngày 26/01/2022 là 5.626.333.472đ và tiền lãi và lãi phạt phát sinh đến khi thanh toán hết nợ là đúng với nội dung thỏa thuận được các bên giao kết tại Hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về nghĩa vụ thanh toán của anh L , chị Th đối với nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và toàn bộ lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc là có căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng: Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8028942/HĐBĐ ngày 11/11/2016 là 01 tàu vỏ thép Số đăng ký: BD-99119-TS, ngư lưới cụ và trang thiết bị đánh bắt dùng để khai thác thủy sản của anh Phan L cùng chị Nguyễn Thị Th . Hợp đồng thế chấp này được thực hiện theo đúng qui định pháp luật, có hiệu lực thi hành nên yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp anh L , chị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản bảo đảm của anh L , chị Th đúng theo qui định tại các điều 317, 318, 320, 323 Bộ luật Dân sự.

[4] Án phí: Căn cứ các điều 144,147 Bộ luật Dân sự ; Điều 3,Điều 7 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội :

- Anh Phan L , chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí có giá ngạch đối với do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326.

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí KDTM-ST đã nộp.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Quy Nhơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 117,179 317, 318, 320, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ các điều 144,147 tố tụng Bộ luật Dân sự; Điều 3, Điều 7, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Buộc anh Phan L và chị Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền còn nợ tổng cộng là 21.107.833.472đ, trong đó dư nợ gốc là 15.481.500.000đ và lãi đến ngày 26/01/2022 là 5.626.333.472đ

Anh Phan L , chị Nguyễn Thị Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số [01/2015/8028942/HĐTD ngày 12/11/2015](#) kể từ ngày 12/11/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trong trường hợp anh Phan L , chị Nguyễn Thị Th không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8028942/HĐBĐ ngày 11/11/2016 mà Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài đã ký với anh Phan L , chị Nguyễn Thị Th để thu hồi toàn bộ số nợ.

4. Về án phí KDTM-ST:

- Buộc anh Phan L , chị Nguyễn Thị Th phải chịu 129.208.000đ
- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam 64.160.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn theo biên lai số 0002963 ngày 21 tháng 10 năm 2021.

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- CQ THA DS Tp. Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Phương Thảo

